

Số:178/2021/QĐST- HNGĐ

H, ngày 30 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2021/ TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- **Anh Lê Đức Lịch S**, sinh năm 1978;

- **Chị Trần Thị Thu P**, sinh năm 1980;

HKTT: Tổ 30, phường T, quận H, H.

Trú tại: Số 6/30/197/42, tổ 21 phường T, quận H, H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Lê Đức Lịch S và chị Trần Thị Thu P thống nhất trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức Lịch S và chị Trần Thị Thu P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, H vào ngày 19/02/2004. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Tổ 30 (Nay là số 6/30/197/42, tổ 21) phường T, quận H, H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2015 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không hòa giải được mâu thuẫn. Nay anh Lê Đức Lịch S và chị Trần Thị Thu P xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S, chị P đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh S và chị P xác nhận có 02 con chung là: Lê Đức H, sinh ngày 28/10/2004 và Lê Quang T, sinh ngày 20/6/2012.

Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Đức H, chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Quang T. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S và chị P xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

[3]. Về tài sản chung: Anh S và chị P tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nhà ở chung: Anh S và chị P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh S và chị P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Chị P đồng ý để anh S chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra anh S và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/03/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức Lịch S và chị Trần Thị Thu P.

* **Về con chung:** Anh S và chị P xác nhận có 02 con chung là: Lê Đức H, sinh ngày 28/10/2004 và Lê Quang T, sinh ngày 20/6/2012.

Giao con chung Lê Đức H, sinh ngày 28/10/2004 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Lê Quang T, sinh ngày 20/6/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 30/03/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng: Anh S, chị P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Anh S, chị P xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

* **Về tài sản chung:** Anh S, chị P tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về nhà ở chung: Anh S, chị P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

*** Về nợ chung:** Anh S, chị P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Đức Lịch S và chị Trần Thị Thu P mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh S chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền anh S đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011096 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường Thịnh Liệt, Quận H, H;
- Số: 16; Quyển số: 01/2004.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình T

